

BẤT ĐỒNG GIỮA VỢ VÀ CHỒNG TRONG CÁC GIA ĐÌNH TẠI MỘT SỐ TỈNH THÀNH Ở MIỀN BẮC VIỆT NAM

PHẠM THU HẰNG*

Tóm tắt: Dựa trên khảo sát 604 người dân ở Hà Nội, Nam Định, Yên Bái vào năm 2017, kết quả nghiên cứu cho thấy: Đại bộ phận các cặp vợ chồng ở miền Bắc Việt Nam có đời sống hòa thuận, hiếm khi xảy ra bất đồng; không phải tất cả các dạng bất đồng giữa vợ và chồng đều có sự khác biệt theo các lát cắt về các đặc điểm nhân khẩu xã hội như nơi sống, mức sống, độ dài hôn nhân, học vấn; một số dạng bất đồng giữa vợ và chồng có quan hệ với độ dài hôn nhân và thu nhập của vợ và của chồng; tất cả các dạng bất đồng giữa vợ và chồng đều có quan hệ với sự hài lòng về hôn nhân và cảm nhận tích cực về quan hệ vợ chồng. Những kết quả nghiên cứu này góp phần cung cấp bằng chứng thực nghiệm quan trọng cho việc hiểu rõ hơn cách các chuẩn mực văn hóa, vai trò giới và điều kiện kinh tế – xã hội định hình động lực tương tác vợ chồng, từ đó gợi mở các hướng can thiệp nhằm thúc đẩy sự hòa hợp, giảm thiểu xung đột và nâng cao chất lượng đời sống hôn nhân trong bối cảnh gia đình Việt Nam đương đại.

Từ khóa: bất đồng giữa vợ và chồng, sự hài lòng về hôn nhân.

Nhận bài: 11/11/2024

Gửi phản biện: 05/8/2025

Duyệt đăng: 02/12/2025

1. Mở đầu

Hôn nhân là sự kết hợp đặc biệt của hai cá thể hoàn toàn độc lập với những đặc điểm tâm lý riêng. Trong quá trình chung sống, mỗi cặp vợ chồng phải đối mặt với những xung đột về lối sống, thói quen, quan điểm, cách ứng xử trong mọi vấn đề của cuộc sống hôn nhân. Thực tế cho thấy, bất đồng diễn ra thường xuyên không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng của mối quan hệ vợ chồng mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến mọi thành viên trong gia đình. Những bất đồng kéo dài là nguy cơ tiềm ẩn dẫn tới tan vỡ hôn nhân, thậm chí có thể mang lại những hệ lụy cho xã hội.

Theo Todor Gheghisanop (2002), "Bất đồng giữa vợ và chồng là sự khác biệt hay không trùng hợp ý kiến, quan điểm giữa hai vợ chồng, gây ra sự căng thẳng thường xuyên bên trong và bên ngoài gia đình". Tasew và Getahun (2021) giải thích bất đồng giữa vợ và chồng là trạng thái căng thẳng hoặc stress giữa vợ chồng khi họ cố gắng thực hiện vai trò của mình trong hôn nhân, hai tác giả này cũng chỉ ra rằng trong hôn nhân không thể tránh

* Học viện Cảnh sát nhân dân.

khỏi bất đồng. Tuy nhiên, chất lượng của cuộc hôn nhân sẽ bị ảnh hưởng nếu thường xuyên có bất đồng. Tóm lại, có thể hiểu *bất đồng giữa vợ và chồng là sự không hài lòng, khác biệt hay không trùng hợp ý kiến, quan điểm về cách ứng xử giữa vợ và chồng, gây ra sự căng thẳng thường xuyên trong quá trình chung sống*. Không hài lòng với vợ/chồng phản ánh cảm xúc, không trực tiếp là bất đồng, nhưng thường có mối liên hệ với bất đồng.

Khi nghiên cứu về bất đồng giữa vợ chồng, một số tác giả tập trung nghiên cứu về cách thức giải quyết bất đồng giữa vợ chồng (Lerner, 1997; Van Slyke, 2; Gottman và Silver, 2013). Khi nghiên cứu về tình yêu và hôn nhân, Drs Charles và Elizabeth Schmitz (2008) cho rằng các cặp vợ chồng cần phải có nhiều kinh nghiệm trong việc giải quyết bất đồng, căng thẳng thì hôn nhân mới hạnh phúc. Mục đích là qua mỗi lần xung đột, vợ chồng thêm hiểu nhau, sự khác biệt được rút ngắn hơn, mỗi bên điều chỉnh cách ứng xử để cùng nhau xây dựng mối quan hệ hôn nhân vững bền. Trong nhiều thập kỷ qua, các nhà tâm lý học đã tìm hiểu nguyên nhân phát sinh bất đồng vợ chồng, ví dụ như Harville Hendrix (1997), Jacques Gauthier (2000), John Gray (2003), Fincham (2003), Maurice Porot (2004), Szilagy Vilmos (2005), Knuds S. Larsen và Lê Văn Hào (2010). Họ đã chỉ ra các nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến bất đồng giữa vợ và chồng. Theo Nguyễn Đình Mạnh (2007), căn cứ vào các nguyên nhân gây nên, bất đồng giữa vợ và chồng được chia thành nhiều mặt: về quan điểm, lối sống; về kinh tế; về tính tình; về nhu cầu, sở thích, hứng thú; về đời sống tình dục; về quan hệ bên nội-bên ngoại; về quan hệ bạn bè của mỗi bên.

Trong bài viết này, hiện tượng bất đồng giữa vợ và chồng được tiếp cận theo khung lý thuyết tương tác biểu tượng, nhấn mạnh quá trình hai cá nhân liên tục diễn giải, gán nghĩa và thương lượng các tín hiệu, kỳ vọng và chuẩn mực trong đời sống hằng ngày. Từ góc nhìn này, bất đồng có thể xuất hiện ở bất kỳ thời điểm nào trong hôn nhân và ở bất kỳ cặp vợ chồng nào, như hệ quả của những khác biệt trong cách hiểu, cảm nhận hay diễn giải tình huống, chứ không nhất thiết bắt nguồn từ cấu trúc quyền lực hay sự phân chia vai trò. Việc chung sống lâu dài khiến quá trình tích lũy kinh nghiệm tương tác vừa tạo nền tảng cho sự thấu hiểu, vừa tiềm ẩn khả năng lệch pha trong diễn giải, qua đó tạo điều kiện nảy sinh bất đồng. Do vậy, lý thuyết tương tác biểu tượng giúp lý giải bất đồng vợ chồng như một phần tự nhiên của quá trình tương tác xã hội liên tục, xuất phát từ sự khác biệt trong nhận thức và ý nghĩa mà mỗi người gán cho các tình huống trong đời sống hôn nhân. Có thể phân chia bất đồng vợ chồng thành các dạng khác nhau căn cứ theo các vấn đề khác nhau của cuộc sống hôn nhân.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm trả lời một số câu hỏi sau: 1) Thực trạng bất đồng giữa các cặp vợ chồng ở miền Bắc Việt Nam như thế nào?; 2) Mức độ bất đồng vợ chồng có sự khác biệt theo các lát cắt về các đặc điểm nhân khẩu xã hội hay không?; 3) Các dạng bất đồng vợ chồng có quan hệ với một số yếu tố nhân khẩu xã hội?

Mẫu nghiên cứu

Bảng 1. Một số đặc điểm nhân khẩu xã hội của khách thể nghiên cứu

Đặc điểm nhân khẩu xã hội			Tỷ lệ %
1	Giới tính	Nam	44,0
		Nữ	56,0
2	Nơi sinh sống	Thành thị	33,1
		Nông thôn	66,9
3	Mức sống	Khá giả trở lên	14,5
		Trung bình	76,1
		Nghèo khó	9,4
4	Độ dài hôn nhân	1-5 năm	12,0
		6-15 năm	24,1
		16-29 năm	33,6
		≥ 30 năm	30,4
5	Học vấn vợ	Tiểu học trở xuống	9,4
		Trung học cơ sở	45,9
		Trung học phổ thông	26,5
		Trên trung học phổ thông TC- CĐ-ĐH	18,2
6	Học vấn chồng	Tiểu học trở xuống	6,7
		THCS	45,0
		THPT	30,5
		TC-CĐ-ĐH	17,7
7	Thu nhập vợ	< 3 triệu đồng	36,9
		Từ 3- dưới 5 triệu	27,8
		Từ 5 - dưới 10 triệu	23,2
		≥ 10 triệu đồng	12,1
8	Thu nhập chồng	< 3 triệu đồng	20,9
		Từ 3- dưới 5 triệu	23,2
		Từ 5 - dưới 10 triệu	35,1
		≥ 10 triệu đồng	20,9
N			604

Nguồn: Khảo sát tại Hà Nội, Nam Định, Yên Bái năm 2017.

Dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi tự điền để tìm hiểu về hôn nhân hiện tại của những người dân ở Hà Nội, Nam Định, Yên Bái vào năm 2017. Bảng hỏi gồm 7 câu hỏi tự xác định mức độ *bất đồng ý kiến/không hài lòng/không vừa ý về xử sự của vợ/chồng* trong thời gian 1-2 năm qua trên thang 4 bậc (1: Không lần nào; 2: Hiếm khi/Ít lần; 3: thỉnh thoảng; 4: Thường xuyên). Các thông tin nhân khẩu xã hội gồm có giới tính, độ tuổi, nơi sinh sống, mức sống, độ dài hôn nhân, trình độ học vấn, thu nhập. Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 21.

3. Kết quả phân tích

3.1. Thực trạng bất đồng giữa vợ và chồng trong gia đình

Theo nhận định của người trả lời, mức độ bất đồng ý kiến/không hài lòng/không vừa ý về xử sự của vợ/chồng họ về các vấn đề trong gia đình trong thời gian 1-2 năm qua được trình bày trong Bảng 2.

Kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn các cặp đôi hiếm khi xảy ra mâu thuẫn đáng kể

trong đời sống hôn nhân, song mức độ bất đồng có sự khác biệt rõ rệt giữa các lĩnh vực của đời sống gia đình.

Bảng 2. Mức độ thường xuyên bất đồng giữa vợ và chồng về các vấn đề trong gia đình

Các dạng bất đồng giữa vợ chồng	Mức độ thường xuyên (%)			
	Không lần nào	Hiếm khi/Ít lần	Thỉnh thoảng	Khá thường xuyên
Về sản xuất, kinh doanh của gia đình	60,5	16,3	22,0	1,2
Về chi tiêu, kinh tế khác của gia đình	63,2	19,4	16,7	0,7
Về nuôi, dạy, lo lắng cho con cái	56,3	19,5	21,2	3,0
Về chăm sóc, đối xử cha mẹ, gia đình hai bên	82,2	12,2	4,1	1,5
Về đối xử với bạn bè, khách khứa	76,0	14,8	8,6	0,7
Về đời sống tình cảm vợ chồng	61,9	23,1	12,7	2,3
Về suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người	47,0	21,9	26,4	4,7
N= 604				

Thứ nhất, những khía cạnh gắn với trách nhiệm đối ngoại trong gia đình, như chăm sóc cha mẹ hai bên hay ứng xử với bạn bè, khách khứa, là các lĩnh vực có tần suất bất đồng thấp nhất. Cụ thể, có đến 82,2% số cặp vợ chồng không xảy ra bất đồng nào về chăm sóc - đối xử với cha mẹ, họ hàng; và 76% không bất đồng về việc ứng xử với bạn bè, khách khứa. Điều này phản ánh phần nào sự ổn định của các chuẩn mực gia đình - dòng họ trong văn hóa Việt Nam, nơi kỳ vọng về trách nhiệm hiếu thảo và vai trò tiếp khách đã được chuẩn hóa tương đối rõ ràng, giảm thiểu nguy cơ xung đột.

Thứ hai, các khía cạnh gắn với quyết định kinh tế của gia đình cũng cho thấy mức độ bất đồng thấp. Khoảng 60,5% số cặp vợ chồng không bất đồng về sản xuất, kinh doanh và 63,2% không bất đồng về chi tiêu, kinh tế. Tỷ lệ bất đồng “khá thường xuyên” trong hai lĩnh vực này đều dưới 2%. Kết quả này cho thấy phần lớn gia đình duy trì được sự thống nhất tương đối trong quản lý tài chính, hoặc các tranh luận kinh tế nếu có cũng được kiểm soát ở mức độ nhẹ. Điều này có thể liên quan đến cơ cấu kinh tế hộ gia đình tương đối ổn định và sự phân chia vai trò kinh tế đã quen thuộc trong các gia đình Việt Nam.

Thứ ba, bất đồng về nuôi dạy và chăm sóc con cái xuất hiện với tần suất cao hơn so với các khía cạnh trên. Chỉ 56,3% cho biết không có bất đồng và 21,2% cho biết thỉnh thoảng xảy ra. Điều này phản ánh rằng việc nuôi dạy con vẫn là một trọng tâm nhạy cảm của đời sống hôn nhân, nơi sự khác biệt về kỳ vọng, phong cách giáo dục và áp lực xã hội có thể làm gia tăng mâu thuẫn.

Đáng chú ý nhất, nhóm bất đồng có mức độ thường xuyên cao nhất nằm ở suy nghĩ, lối sống và các thói quen cá nhân. Chỉ 47% vợ chồng không bất đồng trong lĩnh vực này, trong khi 26,4% xảy ra bất đồng thỉnh thoảng và 4,7% khá thường xuyên. Đây chính là dạng bất đồng có tỉ lệ “khá thường xuyên” cao nhất trong bảng. Xu hướng này cho thấy xung đột về tính cách và lối sống là dạng mâu thuẫn phổ biến nhất trong đời sống hôn nhân hiện nay. Trong bối cảnh xã hội biến đổi nhanh, sự khác biệt về quan điểm, phong cách sống giữa hai vợ chồng dễ nảy sinh, đặc biệt đối với các đôi có trình độ, nghề nghiệp và trải nghiệm xã hội đa dạng.

Cuối cùng, bất đồng về đời sống tình cảm vợ chồng cũng xuất hiện ở mức tương đối (12,7% thỉnh thoảng; 2,3% khá thường xuyên). Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước, cho thấy đời sống cảm xúc-tình cảm thường chịu ảnh hưởng bởi căng thẳng kinh tế, áp lực công việc và các vấn đề cá nhân khác, dù không phải là lĩnh vực xung đột thường xuyên nhất.

Nhìn chung, số liệu cho thấy bất đồng trong hôn nhân không diễn ra đồng đều, mà tập trung nhiều hơn vào các lĩnh vực mang tính cá nhân hóa cao (thói quen, suy nghĩ, lối sống) và các nhiệm vụ chăm sóc - nuôi dạy con. Trong khi đó, các lĩnh vực gắn với chuẩn mực truyền thống như quan hệ nội-ngoại hay việc chi tiêu kinh tế lại tạo ít xung đột hơn. Điều này phản ánh sự kết hợp giữa sự bền vững của các giá trị gia đình truyền thống và sự gia tăng của tính cá nhân trong hôn nhân hiện đại, hai yếu tố đang đồng thời định hình cấu trúc và chất lượng quan hệ vợ chồng ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Sự khác biệt về mức độ bất đồng giữa vợ chồng xét theo các đặc điểm nhân khẩu xã hội

Kết quả so sánh trung bình hai mẫu gia đình ở thành thị và nông thôn về 7 vấn đề bất đồng giữa vợ và chồng, kết quả thu được cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa các cặp vợ chồng ở thành thị và nông thôn về 3 vấn đề "sản xuất, kinh doanh của gia đình" ($p<0,01$), "nuôi, dạy, lo lắng cho con cái" ($p<0,05$), "đời sống tình cảm vợ chồng" ($p<0,05$). Nghiên cứu không tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê về 4 vấn đề còn lại là "vấn đề chi tiêu, kinh tế khác của gia đình", "vấn đề chăm sóc, đối xử cha mẹ, gia đình hai bên", "vấn đề đối xử với bạn bè, khách khứa", "vấn đề suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người", với $p>0,05$.

Bảng 3. So sánh điểm trung bình về mức độ bất đồng giữa vợ chồng xét theo nơi sinh sống

Các dạng bất đồng giữa vợ chồng	Nơi sinh sống	
	Thành thị	Nông thôn
BĐ về vấn đề sản xuất, kinh doanh của gia đình **	1,39	1,70
BĐ về vấn đề chi tiêu, kinh tế khác của gia đình	1,51	1,57
BĐ về vấn đề nuôi, dạy, lo lắng cho con cái *	1,84	1,65
BĐ về vấn đề chăm sóc, đối xử cha mẹ, gia đình hai bên	1,30	1,23
BĐ về vấn đề đối xử với bạn bè, khách khứa	1,27	1,37
BĐ về vấn đề đời sống tình cảm vợ chồng *	1,45	1,61
BĐ về vấn đề suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người	1,99	1,84

Ghi chú: *: $p<0,05$, **: $p<0,01$

Cụ thể, các cặp vợ chồng ở nông thôn bất đồng về vấn đề sản xuất, kinh doanh của gia đình và xung đột về vấn đề đời sống tình cảm vợ chồng thường xuyên hơn so với các cặp vợ chồng ở thành thị. Trong khi đó, các gia đình ở thành thị bất đồng về vấn đề nuôi, dạy, lo lắng cho con cái thường xuyên hơn các gia đình ở nông thôn.

Kết quả phân tích phương sai một nhân tố One-way ANOVA được thực hiện sau khi

đảm bảo tính độc lập của các quan sát, tính chuẩn mực và tính đồng nhất của phương sai cho thấy, mặc dù các gia đình có mức sống khác nhau nhưng họ không khác nhau về mức độ bất đồng ở các vấn đề: "sản xuất, kinh doanh của gia đình", "nuôi, dạy, lo lắng cho con cái", "chăm sóc, đối xử cha mẹ, gia đình hai bên", "đối xử với bạn bè, khách khứa", "đời sống tình cảm vợ chồng". Các cặp vợ chồng nghèo khó thường xuyên xảy ra bất đồng hơn so với các cặp vợ chồng có mức sống khá giả trở lên về "vấn đề chi tiêu, kinh tế khác của gia đình" và về "suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người". Kết quả nghiên cứu này trùng hợp với kết quả của các nghiên cứu trước đây trên các gia đình ở nhiều quốc gia khác nhau. Tác giả Maurice Porot (2004) cho rằng sự thiếu thốn vật chất là nguyên nhân dẫn đến bất đồng và sự phân ly trong gia đình. Theo ông, để đảm bảo cho cuộc sống hôn nhân hạnh phúc thì người vợ/chồng cần đảm bảo tốt đời sống kinh tế, vật chất của gia đình. Điều này cũng hoàn toàn dễ hiểu bởi lẽ, điều kiện kinh tế ảnh hưởng lớn tới cung cách sinh hoạt và mức độ chi tiêu của các gia đình. Khi có điều kiện kinh tế vững vàng, các cặp vợ chồng ít phải lo lắng về việc cân đối chi tiêu, do đó bất đồng xuất phát từ nguyên nhân kinh tế cũng ít xảy ra hơn.

Kết quả so sánh mức độ bất đồng vợ chồng theo lát cắt về độ dài hôn nhân cho thấy, bất đồng giữa vợ và chồng về vấn đề nuôi, dạy, lo lắng cho con cái xuất hiện thường xuyên nhất ở những cặp vợ chồng có độ dài hôn nhân 6-15 năm. Những cặp đôi đã kết hôn 6-15 năm cũng có mức độ bất đồng về chi tiêu, kinh tế khác của gia đình và bất đồng về đối xử với bạn bè, khách khứa cao hơn so với những cặp đôi đã có hơn 30 năm hôn nhân.

Bảng 4. So sánh điểm trung bình về mức độ bất đồng vợ chồng xét theo độ dài hôn nhân

Các dạng bất đồng tâm lý giữa vợ chồng	Độ dài hôn nhân (năm)				Mức ý nghĩa
	0-5 (N1)	6-15 (N2)	16-29 (N3)	≥30 (N4)	
Về sản xuất, kinh doanh của GD	1,60	1,73	1,56	1,69	p > 0,05
Về chăm sóc, đối xử cha mẹ, GD hai bên	1,24	1,37	1,22	1,20	
Về đời sống tình cảm vợ chồng	1,53	1,68	1,50	1,53	
Về suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người	1,93	1,95	1,88	1,84	
Về chi tiêu, kinh tế khác của GD	1,44	1,70	1,58	1,43	p < 0,05
Về nuôi, dạy, lo lắng cho con cái	1,70	2,03	1,65	1,53	p < 0,05
Về đối xử với bạn bè, khách khứa	1,36	1,47	1,31	1,26	p < 0,05

Nguồn: Khảo sát tại Hà Nội, Nam Định, Yên Bái năm 2017.

So sánh mức độ bất đồng vợ chồng xét theo trình độ học vấn của chồng, kết quả cho thấy, những cặp vợ chồng mà chồng có trình độ Trung cấp - Cao Đẳng - Đại học bất đồng về việc nuôi dạy lo lắng cho con cái thường xuyên hơn so với những gia đình mà chồng chỉ học hết THCS. So sánh mức độ bất đồng vợ chồng xét theo trình độ học vấn của vợ, kết quả cho thấy, những gia đình mà người vợ có trình độ dưới tiểu học thường xảy ra bất đồng nhiều hơn những gia đình mà người vợ có trình độ THPT về vấn đề sản xuất, kinh doanh của gia đình. Bất đồng về vấn đề "nuôi, dạy, lo lắng cho con cái" thường xảy ra nhiều hơn ở những gia đình mà người vợ có trình độ dưới tiểu học hoặc Trung cấp - Cao đẳng - Đại

học so với những gia đình mà người vợ có trình độ THCS, ở những gia đình mà người vợ có trình độ Trung cấp - Cao đẳng - Đại học so với những gia đình mà người vợ có trình độ THPT. Bất đồng về vấn đề "suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người" xảy ra nhiều nhất là ở những gia đình mà người vợ có trình độ Trung cấp - Cao đẳng - Đại học ($\bar{D}TB = 2,13$).

Bảng 5. So sánh điểm trung bình về mức độ bất đồng giữa vợ chồng xét theo trình độ học vấn của vợ và của chồng

Các dạng bất đồng giữa vợ chồng	Học vấn				Mức ý nghĩa
	≤ TH	THCS	THPT	>THPT	
<i>Theo học vấn vợ:</i>					
Về sản xuất, kinh doanh của GD	1,93	1,66	1,43	1,70	p<0,01
Về chi tiêu, kinh tế khác của GD	1,75	1,54	1,46	1,59	
Về nuôi, dạy, lo lắng cho con cái	1,88	1,59	1,66	2,01	p<0,01
Về chăm sóc, đối xử cha mẹ, gia đình hai bên	1,22	1,23	1,22	1,37	
Về đối xử với bạn bè, khách khứa	1,42	1,33	1,26	1,43	
Về đời sống tình cảm vợ chồng	1,65	1,57	1,44	1,63	
Về suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người	1,98	1,83	1,78	2,13	p<0,05
<i>Theo học vấn chồng:</i>					
Về sản xuất, kinh doanh của GD	1,74	1,70	1,58	1,44	
Về chi tiêu, kinh tế khác của GD	1,75	1,53	1,59	1,44	
Về nuôi, dạy, lo lắng cho con cái	1,77	1,61	1,74	1,91	p<0,05
Về chăm sóc, đối xử cha mẹ, gia đình hai bên	1,18	1,20	1,32	1,30	
Về đối xử với bạn bè, khách khứa	1,55	1,32	1,33	1,35	
Về đời sống tình cảm vợ chồng	1,78	1,57	1,51	1,53	
Về suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người	1,95	1,84	1,88	2,02	

Nguồn: Khảo sát tại Hà Nội, Nam Định, Yên Bái năm 2017.

4. Mối quan hệ giữa mức độ bất đồng giữa vợ và chồng với một số yếu tố nhân khẩu xã hội

Số liệu ở Bảng 5 thể hiện mối tương quan bất đồng giữa vợ và chồng về các vấn đề khác nhau trong cuộc sống gia đình với một số yếu tố nhân khẩu xã hội. Thực tế cho thấy, cuộc sống hôn nhân không phải là một hành trình êm đềm từ đầu đến cuối. Các nhà nghiên cứu cũng đều thống nhất rằng, kể từ thời điểm về chung một nhà, các cặp đôi sẽ trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm khác nhau. Kết quả nghiên cứu ở Bảng 6 cho thấy, bất đồng giữa vợ và chồng về một số vấn đề như “nuôi, dạy, lo lắng cho con cái”, “chăm sóc, đối xử cha mẹ, gia đình hai bên”, “đối xử với bạn bè, khách khứa” đều tương quan nghịch với độ dài hôn nhân (r dao động từ -0,088 với $p<0,05$ cho đến -0,183 với $p<0,01$). Điều này có thể được lý giải từ góc độ xã hội học rằng, khi thời gian chung sống tăng lên, các cặp vợ chồng có xu hướng điều chỉnh hành vi, học cách thích ứng và thương lượng vai trò của nhau trong đời sống hôn nhân. Sự hiểu biết lẫn nhau dần được củng cố, các chuẩn mực ứng xử và kỳ

vọng giữa hai bên trở nên ổn định hơn, làm giảm khả năng bùng phát mâu thuẫn trong các vấn đề liên quan đến con cái hay quan hệ gia đình hai bên. Ngoài ra, trong bối cảnh văn hóa Việt Nam, đặc biệt là ở miền Bắc, nơi các giá trị truyền thống như “nhân nhện”, “giữ hòa khí trong nhà” và “kính trên nhường dưới” vẫn được coi trọng, các cặp vợ chồng lâu năm thường có xu hướng kiềm chế và điều hòa bất đồng để duy trì hình ảnh ổn định của gia đình. Điều này cũng phản ánh nét đặc trưng văn hóa vùng miền và hệ giá trị gia đình Việt Nam trong việc giải quyết bất đồng. Đồng thời, thu nhập cao hơn thường đi kèm với điều kiện sống ổn định, ít áp lực tài chính hơn, từ đó làm giảm khả năng xảy ra bất đồng về “vấn đề sản xuất, kinh doanh của gia đình”. Như vậy, các yếu tố kinh tế - xã hội và văn hóa - vùng miền đều góp phần lý giải xu hướng giảm bất đồng theo thời gian và điều kiện sống.

Tuy các mối tương quan ở đây chỉ ở mức yếu và rất yếu, song chúng vẫn gợi mở những vấn đề xã hội đáng chú ý. Từ góc nhìn tâm lý học hôn nhân, thời gian chung sống lâu dài thường đi kèm với sự phát triển của năng lực điều chỉnh cảm xúc, khoan dung, và thỏa hiệp - những yếu tố giúp giảm thiểu bất đồng. Tuy nhiên, nếu đặt trong bối cảnh văn hóa cụ thể, đặc biệt là văn hóa Á Đông nói chung và Việt Nam nói riêng, sự giảm bất đồng cũng có thể phản ánh xu hướng nhân nhện, hy sinh và tuân thủ vai trò truyền thống, nhất là ở phụ nữ. Do đó, cần thận trọng khi diễn giải mức giảm bất đồng như một biểu hiện thuần túy của sự hòa hợp.

Ngoài ra, nhìn nhận theo văn hóa vùng miền, ta có thể đặt ra những giả thuyết về sự khác biệt trong cấu trúc quan hệ gia đình và văn hóa ứng xử. Ví dụ, ở miền Bắc, nơi mô hình gia đình mở rộng còn phổ biến, các bất đồng liên quan đến “đối nội” như chăm sóc cha mẹ hai bên có thể nhiều hơn do áp lực từ vai trò “dâu hiền - con thảo”.

Mức thu nhập của vợ cũng như của chồng tương quan nghịch với bất đồng về “vấn đề sản xuất, kinh doanh của gia đình” (r lần lượt là -0,107 với $p < 0,05$ và -0,129 với $p < 0,01$). Mức độ tương quan ở đây ở mức yếu. Trong nhiều gia đình Việt Nam, đặc biệt ở các vùng nông thôn hoặc cộng đồng có nền kinh tế tiểu nông-thủ công, hoạt động sản xuất thường gắn liền với mô hình “hợp tác trong thân tộc”, nơi mà kinh tế và quan hệ gia đình đan xen. Thu nhập của các cá nhân gia tăng có thể phản ánh sự phát triển của mô hình truyền thống này, nhờ đó giảm bớt các căng thẳng trong phân công vai trò và ra quyết định kinh tế trong gia đình.

Bảng 6. Tương quan giữa bất đồng vợ chồng với một số yếu tố nhân khẩu xã hội

Các dạng bất đồng giữa vợ chồng	Thu nhập		Độ dài hôn nhân
	Vợ	Chồng	
BĐ về sản xuất, kinh doanh của GĐ	-0,107*	-0,129**	0,038
BĐ về nuôi, dạy, lo lắng cho con cái	0,005	0,053	-0,183**
BĐ về chăm sóc, đối xử cha mẹ, GĐ hai bên	0,029	0,019	-0,088*
BĐ về đối xử với bạn bè, khách khứa	0,005	-0,061	-0,106**

Ghi chú: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$

Nguồn: Khảo sát tại Hà Nội, Nam Định, Yên Bái năm 2017.

5. Khả năng dự báo của bất đồng giữa vợ và chồng đối với sự hài lòng về hôn nhân

Trong nghiên cứu này, bất đồng được hiểu là sự khác biệt quan điểm dẫn đến va chạm trong quá trình tương tác vợ chồng ở những khía cạnh cụ thể của đời sống gia đình. Khái niệm này không đồng nhất với “không hài lòng” mà chỉ phản ánh mức độ khó khăn trong giải quyết vấn đề giữa vợ và chồng. Trong khi đó, sự hài lòng hôn nhân là một đánh giá tổng thể mang tính cảm xúc-thái độ về chất lượng đời sống hôn nhân. Chính sự khác biệt ở bản chất khái niệm và mức độ đo lường cho phép xem bất đồng như một yếu tố tương tác có khả năng tác động đến hài lòng, chứ không phải là biểu hiện trực tiếp của không hài lòng. Vì vậy, việc kiểm định tương quan và sử dụng bất đồng làm biến độc lập trong mô hình hồi quy là phù hợp về mặt lý luận, nhằm đánh giá mức độ dự báo của các dạng bất đồng đối với sự hài lòng hôn nhân.

Kết quả kiểm định mối tương quan giữa bất đồng giữa vợ và chồng với mức độ hài lòng về hôn nhân được thể hiện ở Bảng 4. Mức độ hài lòng về hôn nhân của những người được hỏi có mối tương quan ngược chiều có ý nghĩa thống kê với bất đồng giữa vợ và chồng về 7 vấn đề của cuộc sống hôn nhân. Hệ số tương quan r dao động từ -0,216 cho đến -0,323 với $p < 0,01$ cho thấy mối tương quan từ mức yếu cho tới mức trung bình giữa các yếu tố trên. Như vậy, khi các cặp vợ chồng càng thường xuyên bất đồng về các khía cạnh khác nhau của đời sống gia đình thì họ sẽ càng ít hài lòng với cuộc hôn nhân của mình. Trong đó, bất đồng giữa vợ và chồng về suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người có tương quan nghịch chặt chẽ nhất với mức độ hài lòng về hôn nhân. Mối quan hệ giữa bất đồng vợ chồng theo từng vấn đề khác nhau của cuộc sống hôn nhân và sự hài lòng về hôn nhân đã được chỉ ra ở Bảng 7.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, mỗi cặp vợ chồng không chỉ trải qua sự bất đồng về một vấn đề mà thường phải đối mặt với sự bất đồng về nhiều vấn đề khác nhau của cuộc sống gia đình. Vì vậy, phép phân tích hồi quy bội đã được sử dụng để xây dựng mô hình hồi quy sát hợp với thực tế. Tất cả 7 dạng bất đồng giữa vợ chồng tác động đến sự hài lòng về hôn nhân và độ dài hôn nhân được đưa vào để phân tích hồi quy bội.

Bảng 7. Ảnh hưởng của các dạng bất đồng giữa vợ và chồng và độ dài hôn nhân đối với mức độ hài lòng về hôn nhân

Sự hài lòng về hôn nhân $R^2=0,175$; $F(8; 453)=13,027$; $p=0,000$	Beta	p	t	VIF
BĐ về vấn đề sản xuất, kinh doanh của GD	-0,088	0,090	-1,697	1,463
BĐ về vấn đề chi tiêu, kinh tế khác của GD	-0,071	0,207	-1,265	1,724
BĐ về vấn đề nuôi, dạy, lo lắng cho con cái	-0,085	0,126	-1,533	1,694
BĐ về vấn đề chăm sóc, đối xử cha mẹ, GD hai bên	-0,084	0,113	-1,586	1,537
BĐ về vấn đề đối xử với bạn bè, khách khứa	0,011	0,826	0,220	1,493
BĐ về vấn đề đời sống tình cảm vợ chồng	-0,158	0,003	-2,939	1,581
BĐ về vấn đề suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người	-0,140	0,007	-2,731	1,443
Độ dài hôn nhân	0,023	0,604	0,519	1,063

Nguồn: Khảo sát tại Hà Nội, Nam Định, Yên Bái năm 2017.

Kết quả hồi quy đa biến cho thấy mô hình dự báo sự hài lòng hôn nhân đạt mức phù hợp thống kê ($F(8, 453) = 13,027$; $p < 0,001$), với R^2 là 0,175. Điều này cho thấy các biến thể hiện các dạng bất đồng trong đời sống vợ chồng cùng với độ dài hôn nhân giải thích được 17,5% biến thiên trong mức độ hài lòng hôn nhân của các cặp vợ chồng. Các chỉ số $VIF < 2$ (từ 1,063 đến 1,724), cho thấy mô hình không gặp phải vấn đề đa cộng tuyến.

Trong số tám biến độc lập được đưa vào mô hình, chỉ có hai biến đạt mức ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Bất đồng trong đời sống tình cảm vợ chồng thể hiện tác động tiêu cực mạnh nhất đến sự hài lòng hôn nhân ($\beta = -0,158$; $p = 0,003$). Tiếp đến là bất đồng về suy nghĩ, lối sống và thói quen không phù hợp của mỗi người, cũng có ảnh hưởng tiêu cực nhưng thấp hơn ($\beta = -0,140$; $p = 0,007$). Các biến bất đồng liên quan đến sản xuất-kinh doanh, chi tiêu kinh tế, nuôi dạy con cái, chăm sóc cha mẹ hai bên, quan hệ bạn bè-khách khứa, cũng như độ dài hôn nhân không đạt mức ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).

Kết quả trên cho thấy sự hài lòng hôn nhân không chịu ảnh hưởng đồng đều bởi các dạng bất đồng mà vợ chồng phải đối mặt trong đời sống gia đình. Trong số các yếu tố được xem xét, những bất đồng liên quan đến đời sống tình cảm và sự khác biệt về suy nghĩ - thói quen nổi bật hơn cả. Điều này phản ánh vai trò trung tâm của sự gắn kết cảm xúc và sự hòa hợp trong đặc điểm nhân cách-lối sống đối với chất lượng quan hệ vợ chồng trong bối cảnh gia đình Việt Nam.

Thứ nhất, bất đồng về đời sống tình cảm có hệ số tác động mạnh nhất, cho thấy khi mức độ bất đồng trong lĩnh vực này gia tăng, sự hài lòng hôn nhân giảm đáng kể. Điều này phù hợp với các nghiên cứu quốc tế vốn nhấn mạnh vai trò của sự tương hỗ tình cảm, sự thân mật và cách hai bên đáp ứng nhu cầu cảm xúc của nhau trong việc duy trì quan hệ hôn nhân ổn định. Trong bối cảnh Việt Nam, nơi đời sống tình cảm thường gắn chặt với các kỳ vọng văn hóa về sự hòa hợp và hy sinh, những xung đột trong lĩnh vực này càng dễ tạo ra sự tổn thương và giảm sút mức độ hài lòng.

Thứ hai, bất đồng về suy nghĩ, lối sống và thói quen cũng cho thấy ảnh hưởng tiêu cực đáng kể. Điều này cho thấy sự khác biệt trong lối sống hàng ngày - từ thói quen sinh hoạt, quan điểm sống đến phong cách ứng xử - có thể tích tụ thành các nguồn căng thẳng lâu dài, làm giảm cảm nhận tích cực về quan hệ hôn nhân. Đây cũng là nhóm bất đồng mang tính chất nền tảng, có khả năng lan tỏa sang nhiều lĩnh vực khác của đời sống gia đình.

Trong khi đó, các dạng bất đồng khác - như về kinh tế, nuôi dạy con, hay quan hệ với nội ngoại - dù có vai trò quan trọng trên thực tế, lại không đạt được ý nghĩa thống kê trong mô hình. Điều này có thể xuất phát từ việc các dạng bất đồng này thường mang tính tình huống và có thể được giải quyết thông qua thương lượng hoặc thích ứng, nên mức độ ảnh hưởng đến sự hài lòng tổng thể không mạnh bằng những bất đồng mang tính “cốt lõi” liên quan đến cảm xúc và sự hòa hợp cá nhân.

Tổng thể, kết quả nghiên cứu nhấn mạnh rằng để nâng cao chất lượng đời sống hôn nhân, các can thiệp nên ưu tiên thúc đẩy năng lực giao tiếp tình cảm, sự thấu hiểu lẫn nhau và khả năng điều chỉnh khác biệt trong lối sống giữa các cặp vợ chồng. Điều này đặc biệt

quan trọng trong bối cảnh chuyển biến xã hội nhanh chóng, khi các giá trị cá nhân, nhu cầu cảm xúc và phong cách sống của các thế hệ đang ngày càng đa dạng.

6. Bàn luận

Dựa trên những kết quả nghiên cứu về bất đồng vợ chồng ở các gia đình ở miền Bắc Việt Nam trên đây, chúng tôi đưa ra một số bàn luận như sau:

Thứ nhất: Về thực trạng bất đồng giữa vợ chồng, kết quả nghiên cứu cho thấy, phần đông các cặp vợ chồng tại các tỉnh/thành khảo sát ở miền Bắc Việt Nam có đời sống hòa thuận, hiếm khi xảy ra bất đồng. Bất đồng giữa các cặp vợ chồng xuất hiện nhiều nhất là về "vấn đề suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người", kết quả này đồng nhất với nhiều nghiên cứu trước đây.

Thứ hai: Về sự khác biệt về mức độ bất đồng vợ chồng theo nơi sinh sống, mức sống, độ dài hôn nhân, học vấn của vợ và của chồng, nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, không phải cả 7 dạng bất đồng vợ chồng đều có sự khác biệt theo các lát cắt này. Cụ thể, các cặp vợ chồng ở nông thôn bất đồng về vấn đề sản xuất, kinh doanh của gia đình và bất đồng về vấn đề đời sống tình cảm vợ chồng thường xuyên hơn so với các cặp vợ chồng ở thành thị. Trong khi đó, các gia đình ở thành thị bất đồng về vấn đề nuôi, dạy, lo lắng cho con cái thường xuyên hơn các gia đình ở nông thôn.

Sự khác nhau về mức sống chỉ dẫn đến sự khác nhau về "vấn đề chi tiêu, kinh tế khác của gia đình" và về "suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người" chứ không dẫn đến sự khác nhau về mức độ bất đồng ở các khía cạnh còn lại. Điều đáng lưu ý là nhóm vợ chồng có mức sống trung bình không khác biệt gì so với nhóm vợ chồng nghèo khó hay khá giả trở lên về mức độ bất đồng trên mọi phương diện. Trong khi đó, các cặp vợ chồng nghèo khó thường xuyên xảy ra bất đồng hơn so với các cặp vợ chồng có mức sống khá giả trở lên về "vấn đề chi tiêu, kinh tế khác của gia đình" và về "suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người". Kết quả nghiên cứu này trùng hợp với kết quả của các nghiên cứu trước đây trên các gia đình ở nhiều quốc gia khác nhau. Tác giả Maurice Porot (2004) cũng đã chứng minh sự thiếu thốn vật chất là nguyên nhân dẫn đến bất đồng và sự phân ly trong gia đình. Theo ông, để đảm bảo cho cuộc sống hôn nhân hạnh phúc thì người vợ/chồng cần đảm bảo tốt đời sống kinh tế, vật chất của gia đình. Thực tế cho thấy, điều kiện kinh tế ảnh hưởng lớn tới cung cách sinh hoạt và mức độ chi tiêu của các gia đình. Khi có điều kiện kinh tế vững vàng, các cặp vợ chồng ít phải lo lắng về việc cân đối chi tiêu, do đó bất đồng xuất phát từ nguyên nhân kinh tế cũng ít xảy ra hơn.

Dưới lát cắt độ dài hôn nhân, có sự khác nhau về mức độ bất đồng về 3 vấn đề là "vấn đề chi tiêu, kinh tế khác của gia đình", "nuôi, dạy, lo lắng cho con cái", "đối xử với bạn bè, khách khứa". Điều này có thể được lý giải dựa vào đặc điểm của các giai đoạn hôn nhân. Nếu như 5 năm đầu hôn nhân, các cặp đôi thường tập trung vào mối quan hệ của hai người thì từ 6 -15 năm sau khi kết hôn là giai đoạn cả hai vợ chồng tập trung nỗ lực nhất vào việc ổn định mọi mặt của cuộc sống gia đình: gây dựng kinh tế, nuôi dạy con cái, chú trọng đến việc mở rộng các mối quan hệ xã hội,... Đặc biệt, sự ra đời và lớn lên của những đứa con trong giai đoạn này đòi hỏi hai vợ chồng phải thống nhất về cách thức chăm sóc, dạy dỗ,

uốn nắn chúng. Vì vậy, bất đồng giữa vợ và chồng xuất hiện với mức độ thường xuyên nhất ở giai đoạn này là về chủ đề con cái, cao hơn so với tất cả các giai đoạn hôn nhân khác và cao nhất trong tất cả các dạng bất đồng vợ chồng. Ngoài ra, ở giai đoạn này, bất đồng vợ chồng về những vấn đề liên quan đến con cái, cân đối chi tiêu trong gia đình và “đối ngoại” diễn ra thường xuyên hơn so với giai đoạn hôn nhân từ 30 năm trở lên. Rõ ràng, đối với cặp vợ chồng đã có độ dài hôn nhân từ 30 năm trở lên đã đi vào giai đoạn ổn định vì con cái đã trưởng thành, kinh tế gia đình và vấn đề đối nhân xử thế bên ngoài cũng không còn là mối bận tâm chính của các cặp đôi.

Những cặp vợ chồng mà người chồng có trình độ học vấn khác nhau chỉ khác nhau về mức độ bất đồng về "vấn đề nuôi, dạy, lo lắng cho con cái". Trong khi đó, những cặp đôi mà vợ có trình độ học vấn khác nhau thì khác nhau về mức độ bất đồng ở các mặt: "sản xuất, kinh doanh của gia đình", "nuôi, dạy, lo lắng cho con cái", "suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người". Điều đáng ngạc nhiên là những cặp vợ chồng mà vợ hoặc chồng có trình độ Trung cấp - Cao đẳng - Đại học bất đồng về việc nuôi dạy lo lắng cho con cái thường xuyên hơn so với những gia đình mà vợ hoặc chồng chỉ học hết THCS. Dạng bất đồng này ở những gia đình mà người vợ có trình độ Trung cấp - Cao đẳng - Đại học cũng thường xuyên hơn so với những gia đình mà người vợ có trình độ THPT. Ngạc nhiên hơn nữa là bất đồng về vấn đề "suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người" xảy ra nhiều nhất là ở những gia đình mà người vợ thuộc nhóm học vấn cao nhất là Trung cấp - Cao đẳng - Đại học. Phải chăng, khi người phụ nữ được học hành đầy đủ họ thường có những chính kiến riêng, họ ý thức rõ về sự độc lập của mình và thường có xu hướng bộc lộ rõ suy nghĩ, lối sống, thói quen riêng. Trong khi đó, với truyền thống của văn hóa phương Đông, người chồng mặc nhiên cho rằng trong hôn nhân, vợ là người luôn phải nhún nhường và phụ thuộc. Có thể hai luồng tư tưởng này đã làm gia tăng những mâu thuẫn về "suy nghĩ, lối sống, thói quen không phù hợp của mỗi người".

Thứ ba: Về mối quan hệ giữa bất đồng vợ chồng và một số yếu tố nhân khẩu xã hội và yếu tố tâm lý như độ dài hôn nhân, thu nhập của vợ và của chồng, sự hài lòng về hôn nhân.

Độ dài hôn nhân là một yếu tố đã được nhiều nghiên cứu tìm hiểu về ảnh hưởng của nó đối với bất đồng giữa vợ và chồng. Đa số các nghiên cứu về bất đồng giữa vợ và chồng đã kết luận rằng tần suất bất đồng giữa vợ chồng giảm dần theo thời gian chung sống. Tuy nhiên, tác giả Hatch Laurie Russell và Bulcroft Kris (2004) đã đưa ra kết luận ngược lại dựa trên nghiên cứu theo lát cắt dọc trên các gia đình người Mỹ, đó là thời gian kết hôn dài có thể làm gia tăng bất đồng hôn nhân, tuy nhiên còn tùy thuộc vào giai đoạn của cuộc sống gia đình (đặc biệt là sự ra đời của con cái), độ tuổi và thể hệ của vợ hoặc chồng. Kết quả nghiên cứu ở miền Bắc Việt Nam cho thấy, thời gian chung sống sau khi kết hôn càng lâu thì các cặp vợ chồng càng ít xảy ra bất đồng liên quan đến con cái và vấn đề “đối nội”, “đối ngoại”. Rõ ràng, cùng với thời gian, khi con cái ngày càng trưởng thành, cha mẹ hai bên cũng ngày càng già yếu và lần lượt qua đời, kinh nghiệm đối nhân xử thế ngày càng dày dặn thì bất đồng về các vấn đề này cũng theo đó mà giảm dần. Mối quan hệ giữa độ dài hôn nhân với mức độ bất đồng giữa vợ và chồng về các khía cạnh của đời sống hôn nhân còn

có thể hiểu theo chiều ngược lại, đó là càng ít bất đồng về “nuôi, dạy, lo lắng cho con cái”, “chăm sóc, đối xử cha mẹ, gia đình hai bên” và “đối xử với bạn bè, khách khứa” thì cặp đôi càng duy trì được hôn nhân lâu bền. Ngược lại, càng thường xuyên mâu thuẫn về những vấn đề trên thì cuộc hôn nhân càng nhanh tan rã.

Điều đáng lưu ý là về mối quan hệ giữa thu nhập của hai vợ chồng và mức độ bất đồng giữa vợ và chồng. Nhiều nghiên cứu trước đây đã khẳng định mối quan hệ chặt chẽ giữa thu nhập của hai vợ chồng và mức độ bất đồng về nhiều khía cạnh của cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu ở đây mới chỉ cho thấy rằng thu nhập càng cao thì vợ chồng càng ít bất đồng về “vấn đề sản xuất, kinh doanh của gia đình”. Ngoài ra, thu nhập không góp phần làm tăng hay giảm mức độ bất đồng giữa vợ và chồng về tuyệt đại đa số các khía cạnh khác của cuộc sống gia đình. Để khẳng định về điều này, cần phải tiến hành thêm các nghiên cứu trên các mẫu khác để so sánh.

Kết quả khảo sát trên các gia đình ở miền Bắc Việt Nam còn cho thấy mối quan hệ giữa bất đồng vợ chồng với sự hài lòng về hôn nhân. Các nhà nghiên cứu trước đây đã khẳng định chiều ảnh hưởng của mức độ hài lòng về hôn nhân tới bất đồng giữa vợ và chồng, họ cho rằng vợ chồng càng hài lòng với đời sống gia đình thì mức độ bất đồng giữa vợ và chồng càng thấp. Trong nghiên cứu này, chúng tôi nhận thấy chiều ảnh hưởng ngược lại trong mối quan hệ giữa bất đồng giữa vợ và chồng và sự hài lòng về hôn nhân. Khi các cặp vợ chồng càng ít bất đồng về các khía cạnh khác nhau của đời sống gia đình thì họ sẽ càng hài lòng với cuộc hôn nhân của mình. Càng ít bất đồng sẽ càng khiến các cặp đôi có những cảm nhận tích cực về chất lượng hôn nhân, sự bền vững của mối quan hệ vợ chồng, thậm chí ngay cả khi bất đồng xảy ra thì mỗi bên cũng sẵn sàng dẹp bỏ tự ái cá nhân để duy trì và cải thiện mối quan hệ hôn nhân.

Dạng bất đồng giữa vợ và chồng làm suy giảm sự hài lòng về hôn nhân nhiều nhất không phải là bất đồng xuất phát từ nguyên nhân bên ngoài như kinh tế, con cái, gia đình hai bên hay họ hàng, bạn bè mà chính là dạng bất đồng xuất phát từ nguyên nhân bên trong đời sống tình cảm riêng của hai vợ chồng.

Tài liệu tham khảo

- Dew, J., & Dakin, J. 2011. Financial disagreements and marital conflict tactics. *Journal of Financial Therapy*, 2(1).
- Drs Charles và Elizabeth Schmitz. 2008. *Building A Love That Lasts: The Seven Surprising Secrets of Successful Marriage*”, Jossey-Bass Publish.
- Rhonda A. Faulkner, Mauren Davey, Adam Davey. 2005. *Gender-Related Predictors of Change in Marital Satisfaction and Marital Conflict*, The American Journal of Family Therapy.
- Tôđor Ghêghisanóp. 2002. *Làm vợ và chồng có dễ không*. Nxb Phụ nữ.
- Jacques Gauthier. 2000. *Những thử thách của cuộc sống lứa đôi*. Nxb Phụ nữ.
- John Gottman và Nan Silver. 2013. *Bảy bí quyết giúp hôn nhân hạnh phúc*. Nxb Phụ nữ.
- Harriet Goldhor Lerner. 1997. *Vũ khúc của con gái*. Nxb Trẻ.
- Knuds S. Larsen và Lê Văn Hào. 2010. *Tâm lý học xã hội*. Nxb Từ điển bách khoa.

- Nguyễn Đình Mạnh. 2007. *Xung đột trong tình yêu nam nữ của sinh viên*, Luận án Tiến sĩ tâm lý học.
- McGonagle, K. A., Kessler, R. C., & A. Schilling, E. 1992. The frequency and determinants of marital disagreements in a community sample. *Journal of Social and Personal Relationships*, 9(4), 507-524.
- Hatch Laurie Russell, Bulcroft Kris. 2004. Does Long-Term Marriage Bring Less Frequent Disagreements?, *Journal of Family Issues*
- Landis, J.T. .1960. *Religiousness, family relationships, and family values in Protestant, Catholic, and Jewish family*, Marriage and Family Living, November, Vol. 22, Issue 4, 341 - 347.
- Szilagy Vilmos. 2005. *Hôn nhân trong tương lai*. Nxb Phụ nữ
- Tasew, A. S., & Getahun, K. K. .2021. Marital conflict among couples: The case of Durbete town, Amhara Region, Ethiopia. *Cogent Psychology*, 8(1), 1903127.